

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 59

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.997.840.000 đồng (Năm mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 9 năm 2015, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý kỹ gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Vũ Đình Độ	Phó Chủ tịch	17/03/2016
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	17/03/2016
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	17/03/2016
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ly	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Kiên	Trưởng ban	17/03/2016
Ông Trần Kim Dũng	Thành viên	17/03/2016
Bà Võ Thị Minh Ý	Thành viên	17/03/2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Việt Hùng	Tổng Giám Đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Việt Hùng

Lê Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Số: 46/2016/BCTC-AFCMB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa hợp nhất niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



ÔNG THẾ ĐỨC
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.138.150.687	190.892.963.530
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.273.804.019	19.336.202.048
Tiền	111		15.737.589.734	18.799.987.763
Các khoản tương đương tiền	112		536.214.285	536.214.285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.823.000.000	3.350.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		399.000.000	1.050.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(76.000.000)	(200.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.165.743.392	88.012.428.362
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	75.784.477.357	68.293.763.339
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	19.829.879.677	15.107.257.378
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.610.000.000	260.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	3.745.227.452	4.496.587.870
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(6.803.841.094)	(164.708.935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	19.528.710
Hàng tồn kho	140	5.8	71.033.642.693	65.134.351.304
Hàng tồn kho	141		71.092.971.489	65.193.680.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(59.328.796)	(59.328.796)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.841.960.583	15.059.981.816
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	2.062.371.564	911.077.332
Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.188.816.799	13.885.592.497
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		590.772.220	263.311.987
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.326.870.519	113.473.096.435
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.608.825.927	7.002.797.928
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	6.608.825.927	7.002.797.928
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		84.001.962.439	76.293.920.556
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	40.750.720.073	33.167.134.651
Nguyên giá	222		152.755.156.661	135.471.235.317
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.004.436.588)	(102.304.100.666)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	37.393.304.636	37.185.080.687
Nguyên giá	225		65.397.561.597	61.647.699.400
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.004.256.961)	(24.462.618.713)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5.857.937.730	5.941.705.218
Nguyên giá	228		7.353.345.218	7.353.345.218
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.495.407.488)	(1.411.640.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	27.184.244.750	22.978.684.354
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27.184.244.750	22.978.684.354
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.521.837.403	6.949.807.695
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.521.837.403	6.949.807.695
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.000.000	247.885.902
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	10.000.000	247.885.902
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		329.465.021.206	304.366.059.965

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		226.150.937.988	213.321.782.330
Nợ ngắn hạn	310		169.988.078.036	155.745.278.274
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	6.787.520.956	23.561.735.555
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	4.023.328.853	595.930.321
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	3.128.301.699	3.511.036.468
Phải trả người lao động	314		5.617.009.264	18.250.590.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.442.890.793	2.750.070.953
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	720.346.385	906.695.015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	147.507.402.593	105.562.619.060
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng và phúc lợi	322		761.277.493	606.600.113
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		56.162.859.952	57.576.504.056
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	1.830.801.735	1.830.801.735
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	52.133.956.265	54.420.383.109
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20	990.800.435	423.240.800
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	1.207.301.517	902.078.412
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.314.083.218	91.044.277.635
Vốn chủ sở hữu	410	5.22	103.314.083.218	91.044.277.635
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.997.840.000	59.997.840.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		59.953.840.000	59.953.840.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		44.000.000	44.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.039.728.228	2.039.728.228
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(12.572.890)	(12.572.890)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.153.195.174	7.153.195.174
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.619.362.595	1.903.448.055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.516.530.111	19.278.152.557
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		17.575.861.671	2.289.321.598
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		14.940.668.440	16.988.830.959
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	684.486.511
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.465.021.206	304.366.059.965

NGUYỄN THỊ THOẠI
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THUẬN
Phụ trách kế toán



LÊ VIỆT HÙNG

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	277.341.394.376	416.567.515.517
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.000.449.771	1.275.879.569
Doanh thu thuần	10		276.340.944.605	415.291.635.948
Giá vốn hàng bán	11	6.3	216.477.653.216	354.992.665.234
Lợi nhuận gộp	20		59.863.291.389	60.298.970.714
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	656.666.275	570.000.682
Chi phí tài chính	22	6.5	6.849.065.958	7.250.900.164
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.355.085.055</i>	<i>7.233.304.860</i>
Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24	6.6	(1.863.692.031)	(1.515.304.690)
Chi phí bán hàng	25	6.7	9.284.399.439	13.195.400.777
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	23.901.320.235	26.251.813.290
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.621.480.001	12.655.552.475
Thu nhập khác	31	6.9	149.325.612	590.020.792
Chi phí khác	32	6.10	35.544.310	19.718.622
Lợi nhuận khác	40		113.781.302	570.302.170
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.735.261.303	13.225.854.645
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.11	3.331.179.608	2.943.798.877
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.12	351.519.575	(22.402.045)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.052.562.120	10.304.457.813
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		111.893.680	408.272.019
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		14.940.668.440	9.896.185.794
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	2.490	1.805
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.14	2.264	1.805

NGUYỄN THỊ THOẠI
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THUẬN
Phụ trách kế toán



LÊ VIẾT HÙNG
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.735.261.303	13.225.854.645
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.105.999.889	13.643.409.666
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	6.820.355.264	(1.232.765.909)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.255.610	(26.721.129)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.651.976.662	(183.965.300)
Chi phí lãi vay	06	6.355.085.055	7.233.304.860
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	49.669.933.783	32.659.116.833
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(14.191.753.278)	(6.388.642.791)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(7.037.902.117)	1.521.354.562
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(27.074.187.404)	(15.083.352.363)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.054.538.853)	454.985.199
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	651.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.994.489.407)	(6.736.492.830)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.730.341.891)	(2.675.598.274)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.049.299.000)	(2.530.290.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.811.578.167)	1.221.080.336
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.688.817.473)	(9.025.463.181)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	3.778.465.800	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.350.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	1.240.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.011.920.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.480.829.150	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	287.884.491	67.938.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.491.638.032)	(8.729.444.548)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.200.580.000
Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	217.864.138.932	299.783.107.178
Tiền trả nợ gốc vay	34	(179.934.001.392)	(283.816.800.630)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.688.063.760)	(11.717.879.377)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.242.073.780	11.449.007.171
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	50	(3.061.142.419)	3.940.642.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.255.610)	26.135.642
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	16.273.804.019	23.895.011.306

NGUYỄN THỊ THOẠI
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THUẬN
Phụ trách kế toán



LÊ VIẾT HÙNG

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 03 tháng 9 năm 2015, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.997.840.000 đồng (Năm mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng.)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 9 năm 2015, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã mua chi phối 66,87% vốn điều lệ của Công ty thông qua phương thức mua thỏa thuận, không phải thông qua chào mua công khai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Trong kỳ kế toán, căn cứ nghị quyết của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Tân Phú – Sài Gòn và Công ty CP Nhựa Tân Phú – Miền Trung với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.6 Cấu trúc của Công ty**Các chi nhánh:**

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Hà Nội	Tầng 9 Toà nhà CDS, 477 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Lao Bảo	Số 270 QL 19 – TT Lao Bảo – Huyện Hướng Hóa – Tỉnh Quảng Trị	Hạch toán phụ thuộc

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú Miền Trung	Lô 13, Đường số 2, Cụm CN Hưng Lộc, Tp Vinh, Nghệ An.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	65%	65%	65%

Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung.

Các Công ty liên doanh liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%
Công ty CP Tân Phú – Sài Gòn	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Kinh doanh sản phẩm nhựa	23,96%	23,96%	23,96%

Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 30/06/2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá hạch toán được quy định căn cứ trên tỷ giá của Ngân hàng thực hiện giao dịch thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá bình quân mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (48 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.20 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào

Quan hệ

Công ty mẹ
Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	894.312.000	744.311.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.843.277.734	18.055.676.013
Các khoản tương đương tiền	536.214.285	536.214.285
	<u>16.273.804.019</u>	<u>19.336.202.048</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	137.180,43	3.055.398.799
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR		-
		<u>3.055.398.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu	399.000.000	323.000.000	(76.000.000)	1.050.000.000	850.000.000	(200.000.000)
Công ty CP Nhựa Việt Nam	399.000.000	323.000.000	(76.000.000)	1.050.000.000	850.000.000	(200.000.000)
	<u>399.000.000</u>	<u>323.000.000</u>	<u>(76.000.000)</u>	<u>1.050.000.000</u>	<u>850.000.000</u>	<u>(200.000.000)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm, Công ty có thực hiện bán bớt 62.000 cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Việt Nam. Giá trị thu về chưa trừ phí giao dịch là 526.400.000 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	(200.000.000)	(200.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng do bán bớt	124.000.000	
Tại ngày cuối kỳ	<u>(76.000.000)</u>	<u>(200.000.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	1.521.837.403	-	1.521.837.403	3.297.378.448	-	3.297.378.448
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn <1>	-	-	-	3.652.429.247	-	3.652.429.247
	<u>1.521.837.403</u>	<u>-</u>	<u>1.521.837.403</u>	<u>6.949.807.695</u>	<u>-</u>	<u>6.949.807.695</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	30/06/2016		01/01/2016			
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		43,42%	43,42%		43,42%	43,42%
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn	-	-	-	287.500	23,96%	23,96%

<1> Căn cứ nghị quyết số 38/NQ-HĐQT-NTP của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn với giá bán bằng mệnh giá 10.000 đồng/cp. Các cá nhân mua lại phần vốn của Công ty tại Công ty CP Tân Phú Sài Gòn đã thanh toán toàn bộ trong tháng 5 và tháng 6/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Trình bày tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ.

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào hiện đang kinh doanh khó khăn. Việc tiếp tục hoạt động của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào tùy thuộc vào việc bổ sung vốn của các thành viên góp vốn và định hướng kinh doanh trong thời gian tới.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn		
<i>Bán thành phẩm và vật tư</i>	6.921.026.898	7.909.121.471
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	6.259.523.806	15.417.352.028
<i>Nhận cổ tức bằng tiền mặt</i>	201.250.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào		
<i>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</i>	1.541.296.067	1.181.603.367
<i>Cho vay</i>	350.000.000	

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Tân Phú Sài Gòn		668.190.769
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	3.311.787.080	3.813.677.324
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	8.796.747.875	2.533.368.896
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	3.693.756.675	5.472.245.345
Công ty TNHH Lavie	3.098.396.180	
Công ty TNHH Á Mỹ Gia	3.659.177.182	3.297.325.245
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	2.662.974.451	3.243.251.385
Công ty CP Đồ uống cao cấp Thái Lan	4.903.064.408	789.053.632
Các khách hàng khác	45.658.573.506	48.476.650.743
	75.784.477.357	68.293.763.339

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn**5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	6.473.984.000	
Công ty XNK Nhựa Việt - Lào	927.440.634	1.237.170.475
Công ty CP Nhựa Tân Phú - Sài Gòn		266.030.191
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Chunghsin Industry Group Co., Ltd	1.956.610.541	1.342.944.721
Atelier Francois SA		2.940.894.540
Mahatane Industrial Co.,Ltd		1.487.800.710
Terramar GMBH		1.672.666.162
Taizhou Huiyuan Mould Co., Ltd	1.607.628.000	
Pass Card Co.,Ltd	1.354.505.900	
Flying Tiger KJ Co.,Ltd	1.658.624.333	275.091.300
Các nhà cung cấp khác	5.851.086.269	5.884.659.279
	19.829.879.677	15.107.257.378

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	260.000.000
Công ty CP Nhựa Đồng Nai <2>	8.000.000.000	
	8.610.000.000	260.000.000

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2016, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

<2> Khoản cho Công ty CP Nhựa Đồng Nai vay theo hợp đồng số 001/VV/NDN-NTP ngày 23/06/2016 với lãi suất vay 6%/năm trong 1 năm kể từ ngày 23/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	30/06/2016 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2016 Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Lãi cho vay vốn	152.404.445	(152.404.445)	131.973.334	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào - Tạm ứng góp vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.237.500.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tiền lãi cho vay	65.336.009		8.855.673	
Tạm ứng	750.101.571		543.811.914	
Ký cược, ký quỹ	-		2.258.432.341	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.139.885.427		316.014.608	
	3.745.227.452	(1.789.904.445)	4.496.587.870	-

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nhựa Việt Lào, Công ty CP Nhựa Tân Phú trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản tạm ứng vốn và lãi cho vay vốn với tỷ lệ trích lập là 100%.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	30/06/2016 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2016 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	2.508.673.677		2.567.278.996	
Ký cược, ký quỹ	3.319.001.177		3.355.021.042	
Các khoản phải thu dài hạn khác	781.151.073		1.080.497.890	
	6.608.825.927	-	7.002.797.928	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.7 Nợ xấu

	Giá gốc	30/06/2016 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2016 Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	3.311.787.080	-		-
<i>Phải thu tiền cho vay vốn</i>	610.000.000	-		-
<i>Phải thu tiền lãi vay</i>	152.404.445	-		-
<i>Phải thu tạm ứng góp vốn</i>	1.637.500.000	-		-
<i>Trả trước người bán</i>	927.440.634	-		-
Xi nghiệp Mộc Thống Nhất				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	80.472.650	-	80.472.650	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại xây dựng Nhật Nam				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	18.094.210	-	18.094.210	-
Công ty Anco Food				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	66.142.075	-	66.142.075	-
	6.803.841.094	-	164.708.935	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	(164.708.935)		(164.708.935)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.639.132.159)		(6.639.132.159)
Tại ngày 30/06/2016	(6.803.841.094)	-	(6.803.841.094)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.8 Hàng tồn kho

	Giá gốc VND	30/06/2016	Giá gốc VND	01/01/2016
		Dự phòng VND		Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-		11.145.564.680	
Nguyên liệu, vật liệu	51.619.754.434	(35.017.997)	32.761.870.292	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	2.795.387.912		1.701.148.140	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-		166.450.176	
Thành phẩm	13.046.223.505	(24.310.799)	13.846.277.067	(24.310.799)
Hàng hóa	3.631.605.638		5.572.369.745	
Hàng gửi đi bán	-		-	
Hàng hóa kho bảo thuế	-		-	
	71.092.971.489	(59.328.796)	65.193.680.100	(59.328.796)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.017.997	35.017.997
Thành phẩm	24.310.799	24.310.799
	59.328.796	59.328.796

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	799.079.809	20.958.001
Khoản ứng trước các hợp đồng thuê tài chính	1.263.291.755	890.119.331
Chi phí liên quan đến hợp đồng thuê tài chính		
	2.062.371.564	911.077.332

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí bảo hiểm	10.000.000	20.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ		227.885.902
	10.000.000	247.885.902

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	44.126.709.437	82.568.907.875	8.342.612.890	433.005.115	135.471.235.317
Mua trong kỳ		19.483.257.077			19.483.257.077
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		4.666.420.712			4.666.420.712
Giảm do thanh lý		(3.778.465.800)			(3.778.465.800)
Giảm do thoái vốn Công ty con		(2.747.579.100)	(339.711.545)		(3.087.290.645)
Tại ngày 30/06/2016	44.126.709.437	100.192.540.764	8.002.901.345	433.005.115	152.755.156.661
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	22.871.526.761	72.060.803.396	7.105.052.736	266.717.773	102.304.100.666
Khấu hao trong kỳ	2.767.722.501	3.864.750.236	450.462.789	44.589.216	7.127.524.742
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính		4.353.069.411			4.353.069.411
Giảm do thanh lý					-
Giảm do thoái vốn Công ty con		(1.545.546.686)	(234.711.545)		(1.780.258.231)
Tại ngày 30/06/2016	25.639.249.262	78.733.076.357	7.320.803.980	311.306.989	112.004.436.588
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	21.255.182.676	10.508.104.479	1.237.560.154	166.287.342	33.167.134.651
Tại ngày 30/06/2016	18.487.460.175	21.459.464.407	682.097.365	121.698.126	40.750.720.073

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.863.324.125 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016		58.599.152.127	3.048.547.273		61.647.699.400
Thuê tài chính trong kỳ		7.207.192.000	1.209.090.909		8.416.282.909
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(4.666.420.712)			(4.666.420.712)
Tại ngày 30/06/2016	-	61.139.923.415	4.257.638.182	-	65.397.561.597
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016		23.510.121.545	952.497.168		24.462.618.713
Khấu hao trong kỳ		7.488.449.853	406.257.806		7.894.707.659
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(4.353.069.411)			(4.353.069.411)
Tại ngày 30/06/2016	-	26.645.501.987	1.358.754.974	-	28.004.256.961
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	-	35.089.030.582	2.096.050.105	-	37.185.080.687
Tại ngày 30/06/2016	-	34.494.421.428	2.898.883.208	-	37.393.304.636

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	7.011.345.218	342.000.000	7.353.345.218
Mua trong năm			
Thanh lý, nhượng bán			
Tại ngày 30/06/2016	7.011.345.218	342.000.000	7.353.345.218
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1.088.890.001	322.749.999	1.411.640.000
Khấu hao trong năm	73.267.487	10.500.001	83.767.488
Thanh lý, nhượng bán			
Tại ngày 30/06/2016	1.162.157.488	333.250.000	1.495.407.488
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	5.922.455.217	19.250.001	5.941.705.218
Tại ngày 30/06/2016	5.849.187.730	8.750.000	5.857.937.730

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang					
Dự án nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh	22.978.684.354	4.227.283.396		21.723.000	27.184.244.750
	<u>22.978.684.354</u>	<u>4.227.283.396</u>	<u>-</u>	<u>21.723.000</u>	<u>27.184.244.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CP Tân Phú Sài Gòn	502.570.653	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Indorama Polymers Public Co.,Ltd		2.202.307.500
Chevron Phillips Singapore Chemicals (private) Limited		4.936.998.900
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hồ Chí Minh		5.108.533.902
Công ty TNHH Thương Mại và sản xuất nhựa Đồng Tâm		1.445.400.000
Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam	1.437.993.921	
Công ty TNHH Khải Tiến	575.306.875	
Các nhà cung cấp khác	4.271.649.507	9.868.495.253
	<u>6.787.520.956</u>	<u>23.561.735.555</u>

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương VN - Chi Nhánh TP.HCM	2.710.297.245	206.318.475
Trương Thị Tường Trinh	156.900.000	138.200.000
Mai Thị Tường Vi	288.000.000	
Các khách hàng khác	868.131.608	251.411.846
	<u>4.023.328.853</u>	<u>595.930.321</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm			30/06/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Giảm do thoái vốn VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.520.629.316	-	6.202.911.577	7.316.199.529		1.407.341.364	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.495.265.813	15.008.554.772			513.288.959
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-					
Thuế xuất, nhập khẩu	-	163.270.823	823.347.031	660.076.208		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp <1>	890.927.648	28.214.602	2.498.838.923	1.730.341.891	46.714.602	1.677.924.680	-
Thuế thu nhập cá nhân <2>	99.479.504	17.264.666	695.881.431	757.981.979		43.035.655	22.921.365
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	547.586.689	547.586.689		-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.500.000	9.500.000		-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	54.561.896	4.000.000	4.000.000		-	54.561.896
Cộng	3.511.036.468	263.311.987	25.277.331.464	26.034.241.068	46.714.602	3.128.301.699	590.772.220

<1> Thuế TNDN trong kỳ phát sinh phải nộp chênh lệch giảm so với chi phí thuế TNDN hiện hành 832.340.685 đồng do Công ty điều chỉnh lại khoản thuế phải nộp năm 2015 theo công văn số 3512/CT-TTHT ngày 20/04/2016 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh hướng dẫn về việc xác định và kê khai thuế đối với khoản thuế TNDN được ưu đãi đối với phần lợi nhuận của Chi nhánh Long An. Khoản chênh lệch giảm được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước.

<2> Thuế TNCN kê khai và quyết toán riêng tại từng Chi nhánh của Công ty nên vừa có số dư Phải trả vừa có số dư Phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	1.058.092.435	1.033.370.143
Chi phí lãi vay phải trả	384.798.358	1.024.202.710
Chi phí dịch vụ		100.000.000
Chi phí bảo hiểm		592.498.100
	<u>1.442.890.793</u>	<u>2.750.070.953</u>

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Thủ lao HDQT và BKS	97.772.192	211.369.502
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	-	294.142.716
Bảo hiểm xã hội	91.957.775	48.745.567
Bảo hiểm y tế	15.225.866	502.842
Bảo hiểm thất nghiệp	10.954.241	6.054.473
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	226.627.500	268.686.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	277.808.811	77.193.415
	<u>720.346.385</u>	<u>906.695.015</u>

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	1.678.729.025
Các khoản phải trả khác	152.072.710	152.072.710
	<u>1.830.801.735</u>	<u>1.830.801.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay ngắn hạn	121.192.377.867	121.192.377.867	206.418.640.491	169.572.816.196	84.346.553.572	84.346.553.572
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)</i>	-	-	-	1.263.116.160	1.263.116.160	1.263.116.160
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12</i>	19.760.094.211	19.760.094.211	20.760.094.211	20.672.082.522	19.672.082.522	19.672.082.522
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD 2</i>	-	-	-	2.044.810.590	2.044.810.590	2.044.810.590
<i>Ngân hàng BPCE IOM - CN Tp.HCM</i>	19.339.927.990	19.339.927.990	36.433.548.947	27.119.325.420	10.025.704.463	10.025.704.463
<i>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</i>	12.640.539.500	12.640.539.500	34.731.847.004	25.354.568.988	3.263.261.484	3.263.261.484
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM</i>	52.026.574.475	52.026.574.475	81.902.468.329	75.638.828.667	45.762.934.813	45.762.934.813
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM</i>	5.459.107.561	5.459.107.561	14.701.605.032	9.242.497.471		-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hồ Chí Minh</i>	11.919.134.130	11.919.134.130	17.842.076.968	8.127.586.378	2.204.643.540	2.204.643.540
Vay cá nhân	47.000.000	47.000.000	47.000.000	110.000.000	110.000.000	110.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2> Vay dài hạn đến hạn trả	12.514.966.260	12.514.966.260	8.073.513.392	4.476.685.164	8.918.138.032	8.918.138.032
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12</i>	<i>5.757.480.000</i>	<i>5.757.480.000</i>	<i>2.878.740.000</i>	<i>2.878.740.000</i>	<i>5.757.480.000</i>	<i>5.757.480.000</i>
<i>Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>3.669.486.260</i>	<i>3.669.486.260</i>	<i>2.106.773.392</i>	<i>1.597.945.164</i>	<i>3.160.658.032</i>	<i>3.160.658.032</i>
<i>Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>3.088.000.000</i>	<i>3.088.000.000</i>	<i>3.088.000.000</i>	-	-	-
3> Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.800.058.466	13.800.058.466	8.190.194.770	6.688.063.760	12.297.927.456	12.297.927.456
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>7.187.394.656</i>	<i>7.187.394.656</i>	<i>4.332.708.716</i>	<i>2.854.685.940</i>	<i>5.709.371.880</i>	<i>5.709.371.880</i>
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>555.000.000</i>	<i>555.000.000</i>	<i>277.500.000</i>	<i>277.500.000</i>	<i>555.000.000</i>	<i>555.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</i>	<i>275.974.800</i>	<i>275.974.800</i>	<i>275.974.800</i>	<i>157.024.826</i>	<i>157.024.826</i>	<i>157.024.826</i>
<i>Công ty đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TP.HCM</i>	-	-	-	<i>697.188.700</i>	<i>697.188.700</i>	<i>697.188.700</i>
<i>Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE</i>	<i>5.020.644.210</i>	<i>5.020.644.210</i>	<i>2.923.488.854</i>	<i>2.321.141.894</i>	<i>4.418.297.250</i>	<i>4.418.297.250</i>
<i>Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam</i>	<i>761.044.800</i>	<i>761.044.800</i>	<i>380.522.400</i>	<i>380.522.400</i>	<i>761.044.800</i>	<i>761.044.800</i>
	147.507.402.593	147.507.402.593	222.682.348.653	180.737.565.120	105.562.619.060	105.562.619.060

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đã quá hạn chưa thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn.***Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 gồm:**

Hợp đồng số 60/2015-HĐTDHM/NHCT944-NHUA TAN PHU ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là từ 15/9/2015 đến 15/9/2016. Biện pháp đảm bảo là xe ô tô biển số 57P-5173 và Xe ô tô biển số 52Z-1989 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh gồm:

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-533592-2016 ngày 4 tháng 1 năm 2016. Thỏa thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa: (i) Mở thư tín dụng nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (ii) Tài trợ nhập khẩu: tối đa 1.500.000 USD, (iii) Vay ngắn hạn để thanh toán trong nước: tối đa 500.000 USD. Mục đích vay là đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 5 tháng. Biện pháp đảm bảo là (i)Hàng tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii)Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 1.000.000USD. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay.

Khoản vay ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh gồm:

Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/062013-515 ngày 31 tháng 5 năm 2013. Thỏa thuận về việc cấp hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa 1.000.000 USD. Loại tín dụng được cấp là (i) Tài trợ hoá đơn nhập khẩu số tiền tối đa 1.000.000 USD để tài trợ mua hàng hoá trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu phát sinh theo yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày kể từ ngày hoá đơn, (ii) Vay nhập khẩu số tiền tối đa 1.000.000 USD để tài trợ thanh toán nhập khẩu theo thư tín dụng (L/C) được phát hành bởi Ngân hàng hoặc chứng từ nhờ thu trả ngay, chứng từ nhờ thu trả chậm thực hiện bởi Ngân hàng theo như yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày, (iii) Thư tín dụng số tiền tối đa 1.000.000 USD để mở thư tín dụng (L/C) trả ngay hoặc trả chậm cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu theo như yêu cầu kinh doanh bình thường của bên vay với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Mục đích của hạn mức tín dụng để sử dụng làm vốn lưu động như được trình bày cụ thể trên đây. Lãi suất được tính bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng với biên độ tối thiểu 3%/năm.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0120/KH/16NH kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0120/KHDN1/16NH ngày 16/6/2016. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0141/NHNT ký ngày 11 tháng 06 năm 2014 giữa Ngân hàng và khách hàng. Lãi suất cho vay áp dụng theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay được thể hiện trên từng Giấy nhận nợ phù hợp với quy định về lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từng thời kỳ.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 0010/HĐTD2-VIB880/16 ngày 22/02/2016. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Loại tín dụng được cấp là (i) cho vay ngắn hạn 30.000.000.000 VND được VIB giải ngân với thời hạn tối đa 04 tháng, (ii) tín dụng chứng từ 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương được VIB phát hành tín dụng chứng từ cho các nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ cho Bên vay theo các hình thức L/C trả ngay/trả chậm tối đa 120 ngày. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn cấp tín

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định từ thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 236/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 30/01/2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với loại tín dụng được cấp là cho vay hoặc phát hành thư tín dụng(L/C). Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động và Phát hành L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa. Thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay là (i) Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, công ty sẽ ký quỹ số tiền bằng tối thiểu 15% giá trị của L/C bằng tiền mặt hoặc đảm bảo bằng tiền gửi tại bên Ngân hàng, (ii) hàng tồn kho luân chuyển, (iii) Khoản phải thu luân chuyển của công ty và (iv) các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận 2 bên. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

Các khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay ngắn hạn giữa cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là trên 01 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của cá nhân, đến kỳ đáo hạn hợp đồng cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Lãi vay được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty.

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn đến hạn trả và nợ thuê tài chính đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	37.560.031.128	37.560.031.128	11.032.789.325	11.517.720.449	38.044.962.252	38.044.962.252
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12</i>	<i>4.797.900.000</i>	<i>4.797.900.000</i>		<i>2.878.740.000</i>	<i>7.676.640.000</i>	<i>7.676.640.000</i>
<i>Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>10.091.087.187</i>	<i>10.091.087.187</i>	<i>2.052.929.062</i>	<i>2.233.980.449</i>	<i>10.272.138.574</i>	<i>10.272.138.574</i>
<i>Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>10.021.043.941</i>	<i>10.021.043.941</i>	<i>7.154.860.263</i>	<i>3.860.000.000</i>	<i>6.726.183.678</i>	<i>6.726.183.678</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>12.650.000.000</i>	<i>12.650.000.000</i>	<i>1.825.000.000</i>	<i>2.545.000.000</i>	<i>13.370.000.000</i>	<i>13.370.000.000</i>
2>Nợ thuê tài chính	14.573.925.137	14.573.925.137	8.828.992.025	10.630.487.745	16.375.420.857	16.375.420.857
<i>Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>4.105.956.141</i>	<i>4.105.956.141</i>	<i>4.215.008.500</i>	<i>5.696.820.672</i>	<i>5.587.768.313</i>	<i>5.587.768.313</i>
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM</i>	<i>287.054.527</i>	<i>287.054.527</i>		<i>277.500.000</i>	<i>564.554.527</i>	<i>564.554.527</i>
<i>Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE</i>	<i>7.686.860.754</i>	<i>7.686.860.754</i>	<i>3.283.983.525</i>	<i>3.750.571.973</i>	<i>8.153.449.202</i>	<i>8.153.449.202</i>
<i>Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam</i>	<i>1.689.126.415</i>	<i>1.689.126.415</i>		<i>380.522.400</i>	<i>2.069.648.815</i>	<i>2.069.648.815</i>
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</i>	<i>804.927.300</i>	<i>804.927.300</i>	<i>1.330.000.000</i>	<i>525.072.700</i>		
	52.133.956.265	52.133.956.265	19.861.781.350	22.148.208.194	54.420.383.109	54.420.383.109

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thông tin chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015. Hạn mức tối đa cho vay là 14.477.000.000 VND nhưng không vượt quá 77% tổng mức đầu tư của dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan để đầu tư dự án Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu để sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ. Trần lãi suất tiết kiệm được điều chỉnh 3 tháng/lần. Biên độ được điều chỉnh 12 tháng/lần dựa trên xếp hạng tín dụng nội bộ bên vay do bên cho vay đánh giá. Biên độ áp dụng từ ngày 1/7/2015 đến 30/6/2016 là 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo tiền vay được thực hiện như sau: Công ty thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng bảo đảm tiền vay. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 13.109.043.941 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.088.000.000 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank Vietnam

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là chi phí vốn thị trường 6 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn rút vốn là 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Toàn bộ số nợ vay phát sinh tại Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 114100 cấp ngày 15/01/2013 bởi UBND tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VND của ông Ngô Đức Trung dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 13.760.573.447 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 3.669.486.260 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTĐ ngày 20/04/2011. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 đồng trong thời hạn 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn rút vốn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối thiểu 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và chi nhánh 12, ngày xác định lãi suất là ngày 01 định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, ngày trả lãi là ngày 25 hàng tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, (ii) Thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án và (iii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An, hợp đồng xây dựng nhà máy nhựa Tân Phú tại Long An số 01/HĐXD/2010 ngày 30/07/2010. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 10.555.380.000 đồng trong đó khoản vay phải trả trong 12 tháng tới là 5.757.480.000 đồng.

Khoản vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn cố định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 12. Lãi suất được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư khoản vay tại 30/06/2016 là 12.650.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL01021604013 ngày 12 tháng 4 năm 2016 phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với giá trị thuê là 1.103.900.000 VND, thời hạn thuê được tính từ ngày công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú nhận nợ và sẽ được quy định cụ thể tại Lịch thanh toán tiền thuê của Hợp đồng. Lãi suất cho thuê được áp dụng như sau: (i) lãi suất cho thuê từ ngày nhận nợ cho đến ngày 30/06/2017: 7,5%/năm, (ii) lãi suất cho thuê từ 01/07/2017 - 30/06/2018: 8,7%/năm, (iii) lãi suất cho thuê từ 01/07/2018: lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của NH TMCP Sài Gòn Thương tín + phí cố định 2,2%/năm. Lãi suất cho thuê được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Số dư của hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 1.080.902.100 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 275.974.800 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, gồm có 02 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 3.807.802.190 VND, thời hạn thuê 48 tháng với lãi suất thuê là từ 8,42% - 8,49%/năm tại thời điểm 30/6/2016 cho các hợp đồng thuê. Phương thức trả tiền thuê: thanh toán trước mỗi tháng. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 2.450.171.215 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 761.044.800 đồng.

Thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh và mục đích di chuyển theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và dự án/phương án thuê tài chính, gồm có 04 Hợp đồng với tổng giá trị thuê là 2.325.429.527 VND, thời hạn thuê từ 48 – 60 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất cho thuê được xác định theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng chỉ phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng thuê tại thời điểm 30/06/2016 là 11,5%. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 842.054.527 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 555.000.000 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh, gồm có 19 hợp đồng với tổng giá trị thuê là 19.941.322.952 VND, thời hạn thuê từ 42 tháng – 48 tháng, lãi và gốc được trả hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại 30/06/2016 là từ 8,4% - 11,7%/năm cho các hợp đồng thuê. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 12.707.504.964 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 5.020.644.210 đồng.

Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank – Chi nhánh TP HCM

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính về việc thuê tài chính máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh, gồm có 30 Hợp đồng (bao gồm Hợp đồng của chi nhánh công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh), với tổng giá trị thuê là 27.852.139.039 VND, thời hạn thuê từ 36 tháng – 48 tháng, thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Lãi suất áp dụng tại 30/6/2016 là từ 8,8% - 9,8%/năm cho các hợp đồng thuê. Tổng số dư của các hợp đồng thuê còn lại tại 30/06/2016 là 11.293.350.798 đồng trong đó khoản phải trả trong 12 tháng tới là 7.187.394.656 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thanh toán nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016			
Trả nợ gốc		6.688.063.760	
Trả lãi tiền thuế		1.357.884.650	
Tổng khoản thanh toán tiền thuế TC		8.045.948.410	
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015			
Trả nợ gốc		11.717.879.377	
Trả lãi tiền thuế		1.394.988.524	
Tổng khoản thanh toán tiền thuế TC		13.112.867.901	

5.20 Thuế TNDN hoãn lại phải trả

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	990.800.435	423.240.800
	990.800.435	423.240.800

Chi tiết số dư thuế TNDN hoãn lại phải trả:

Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2014	216.040.060	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2015	418.307.014	423.240.800
Hoàn nhập dự phòng giảm giá ĐTTC năm 2016	356.453.361	
	990.800.435	423.240.800

5.21 Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn trình bày các khoản trích bảo hành sản phẩm tại Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh với thời gian bảo hành từ 02 – 03 năm tùy theo từng hợp đồng bán sản phẩm.

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

	6 tháng 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	902.078.412	-
Trích lập dự phòng bổ sung	305.223.105	902.078.412
Tại ngày cuối kỳ	1.207.301.517	902.078.412

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.22 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.22.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước								
Tại ngày 01/01/2015	52.997.260.000	1.839.728.228		6.819.862.034	1.619.362.595	10.998.035.533	2.083.279.965	76.357.528.355
Trích các quỹ				556.409.715				556.409.715
Lãi trong năm						16.988.830.959	447.679.155	17.436.510.114
Tăng vốn trong kỳ	7.000.580.000	250.000.000						7.250.580.000
Tăng khác					284.085.460	170.697.062	830.462.428	1.285.244.950
Phân phối lợi nhuận						(2.130.570.298)		(2.130.570.298)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Tân Phú Sài Gòn				(223.076.575)		(749.056.699)	(2.676.935.037)	(3.649.068.311)
Giảm khác		(50.000.000)	(12.572.890)					(62.572.890)
Trả cổ tức năm 2014						(5.999.784.000)		(5.999.784.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>59.997.840.000</u>	<u>2.039.728.228</u>	<u>(12.572.890)</u>	<u>7.153.195.174</u>	<u>1.903.448.055</u>	<u>19.278.152.557</u>	<u>684.486.511</u>	<u>91.044.277.635</u>
Năm nay								
Tại ngày 01/01/2016	59.997.840.000	2.039.728.228	(12.572.890)	7.153.195.174	1.903.448.055	19.278.152.557	684.486.511	91.044.277.635
Lãi trong kỳ	-	-				14.940.668.440	111.893.680	15.052.562.120
Tăng lợi nhuận do điều chỉnh Quyết toán thuế TNDN năm 2015						832.340.685		832.340.685
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-				(2.203.976.380)		(2.203.976.380)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Tân Phú Miền Trung					(284.085.460)	284.085.460	(796.380.191)	(796.380.191)
Giảm khác						(36.273.480)		(36.273.480)
Hạch toán bổ sung thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2014						(216.040.060)		(216.040.060)
Giảm giá trị đầu tư theo PP VCSH của Công ty liên kết năm 2015	-	-				(362.427.111)		(362.427.111)
Tại ngày 30/06/2016	<u>59.997.840.000</u>	<u>2.039.728.228</u>	<u>(12.572.890)</u>	<u>7.153.195.174</u>	<u>1.619.362.595</u>	<u>32.516.530.111</u>	<u>-</u>	<u>103.314.083.218</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.22.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	40.120.400.000	
Cổ đông khác	19.877.440.000	59.997.840.000
	59.997.840.000	59.997.840.000

5.22.3 Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.999.784	5.999.784
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.995.384	5.995.384
- Cổ phiếu ưu đãi	4.400	4.400
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.995.384	5.995.384
- Cổ phiếu ưu đãi	4.400	4.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

5.22.4 Phân phối lợi nhuận

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã trích các quỹ như sau:

Trích quỹ khen thưởng	816.287.548 đồng
Trích quỹ phúc lợi	816.287.548 đồng
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	571.401.284 đồng

Ngoài ra, công ty đã thực hiện chốt quyền nhận cổ tức năm 2015 vào ngày 22/06/2016 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu và 8% bằng tiền mặt. Công ty chưa giảm khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tương ứng do chưa có báo cáo kết quả phát hành.

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.23.1 Tài sản thuê ngoài**

- Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018. Giá thuê còn phải thanh toán là 2.354.295.125 đồng.
- Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020. Giá thuê còn phải thanh toán là 1.179.689.525 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.23.2 Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	137.180,43	470.064,59
Euro (EUR)		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	277.294.368.770	416.508.779.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.025.606	58.735.971
	277.341.394.376	416.567.515.517

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn	6.921.026.898	7.909.121.471

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	272.669.300	207.784.600
Giảm giá hàng bán	1.896.350	-
Hàng bán bị trả lại	725.884.121	1.068.094.969
	1.000.449.771	1.275.879.569

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	216.452.445.792	354.977.565.627
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.207.424	15.099.607
	216.477.653.216	354.992.665.234

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.4	Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.114.827	183.965.300
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	201.250.000	
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	312.301.448	33.747.902
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		28.329.061
	Thu lãi bán hàng trả chậm		323.958.419
		656.666.275	570.000.682
6.5	Chi phí hoạt động tài chính	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
		VND	VND
	Lãi tiền vay	6.355.085.055	7.233.304.860
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.255.610	
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.692.902	17.695.750
	Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	595.032.391	
	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(124.000.000)	
	Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		(100.446)
		6.849.065.958	7.250.900.164
6.6	Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
		VND	VND
	Lãi (lỗ) theo tỷ lệ sở hữu tại Công ty	(1.662.442.031)	(1.515.304.690)
	Cổ tức nhận trong năm 2015	(201.250.000)	
	Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	(1.863.692.031)	(1.515.304.690)
6.7	Chi phí bán hàng	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
		VND	VND
	Chi phí nhân công	1.031.420.318	3.242.438.805
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.296.949	80.913.366
	Chi phí khấu hao	190.929.688	248.281.935
	Dự phòng bảo hành sản phẩm	305.223.105	321.310.160
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.475.781.420	6.496.790.542
	Chi phí bằng tiền khác	3.258.747.959	2.805.665.969
		9.284.399.439	13.195.400.777

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.377.842.770	13.210.123.482
Chi phí đồ dùng văn phòng	413.159.026	517.790.405
Chi phí khấu hao	265.005.447	468.701.977
Thuế, phí và lệ phí	18.525.361	19.025.361
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.639.132.159	18.094.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.662.145.725	4.451.693.683
Chi phí bằng tiền khác	6.525.509.747	7.566.384.172
	23.901.320.235	26.251.813.290

6.9 Thu nhập khác

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Thu nhập do nguyên liệu thừa	148.609.377	180.431.592
Lãi từ mua rẻ Công ty con		288.080.000
Các khoản khác	716.235	121.509.200
	149.325.612	590.020.792

6.10 Chi phí khác

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	35.544.310	11.932.551
Các khoản khác		7.786.071
	35.544.310	19.718.622

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Công ty CP Nhựa Tân Phú	3.331.179.608	2.613.806.438
Công ty CP Nhựa Tân Phú - Sài Gòn		329.992.439
	3.331.179.608	2.943.798.877

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

	6 tháng năm 2016 VND	6 tháng năm 2015 VND
Do hoãn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Công ty con, Công ty liên kết	356.453.361	
Do ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện		(22.402.045)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(4.933.786)	
	<u>351.519.575</u>	<u>(22.402.045)</u>

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	14.940.668.440	9.896.185.794
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.940.668.440	9.896.185.794
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.999.784	5.483.287
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.490</u>	<u>1.805</u>

6.14 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu	14.940.668.440	9.896.185.794
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.940.668.440	9.896.185.794
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.599.551	5.483.287
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.264</u>	<u>1.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5.999.784	5.483.287
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015	599.767	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.599.551	5.483.287

6.15 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	127.594.597.878	199.258.493.162
Chi phí nhân công	26.045.006.690	38.796.499.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.105.999.889	14.014.562.727
Thuế, phí, lệ phí	18.525.361	
Chi phí dự phòng	6.944.355.264	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.227.006.950	25.388.426.539
Chi phí bằng tiền khác	9.951.268.459	11.723.648.112
	207.886.760.491	289.181.629.550

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	8.416.282.909	7.382.239.065
	8.416.282.909	7.382.239.065

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

7.2 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.452.532.440	75.073.529.595
	<u>22.452.532.440</u>	<u>75.073.529.595</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông	185.312.850.268	172.755.571.725
	<u>185.312.850.268</u>	<u>172.755.571.725</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chứng khoán kinh doanh phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho các công ty con vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp. [áp dụng trong từng trường hợp]

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 30 tháng 06 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	147.507.402.593	52.133.956.265	199.641.358.858
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	6.787.520.956	-	6.787.520.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.045.099.296	1.830.801.735	3.875.901.031
	156.340.022.845	53.964.758.000	210.304.780.845
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	105.562.619.060	54.420.383.109	159.983.002.169
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	23.561.735.555	-	23.561.735.555
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	3.307.320.370	1.830.801.735	5.138.122.105
	132.431.674.985	56.251.184.844	188.682.859.829

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn.

iv. Giá trị hợp lý (Xem tại Phụ lục 01)**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.4.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	340.506.437
Lương Ban Tổng giám đốc	Lương kỳ 01/01/2016 đến 30/06/2016	1.208.083.755

9.4.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai - Cho vay	8.000.000.000	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh nêu trên

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa thuộc lĩnh vực công nghiệp. Hoạt động kinh doanh gồm cả khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Do vậy, Công ty lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận được trình bày chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

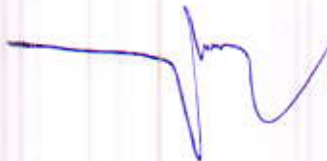
Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thoại
Người lập



Nguyễn Văn Thuận
Phụ trách kế toán



Lê Viết Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phụ lục số 01: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Chi tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		01/01/2016		30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính					-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.273.804.019		19.336.202.048		16.273.804.019	19.336.202.048
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.899.000.000	(76.000.000)	3.550.000.000	(200.000.000)	2.823.000.000	3.350.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.138.530.736	(6.193.841.094)	79.793.149.137	(164.708.935)	79.944.689.642	79.628.440.202
Phải thu về cho vay	8.610.000.000	(610.000.000)	260.000.000		8.000.000.000	260.000.000
Tổng cộng	113.921.334.755	(6.879.841.094)	102.939.351.185	(364.708.935)	107.041.493.661	102.574.642.250
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHTN, BHYT)	9.220.531.194		25.949.786.707		9.220.531.194	25.949.786.707
Vay và nợ ngắn hạn	147.507.402.593		105.562.619.060		147.507.402.593	105.562.619.060
Chi phí phải trả	1.442.890.793		2.750.070.953		1.442.890.793	2.750.070.953
Vay và nợ dài hạn	52.133.956.265		54.420.383.109		52.133.956.265	54.420.383.109
Tổng cộng	210.304.780.845	-	188.682.859.829	-	210.304.780.845	188.682.859.829

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

"Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn."

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phụ lục số 02: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2016			6 tháng năm 2015		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.760.849.133	96.580.095.472	276.340.944.605	182.496.388.501	97.116.346.395	279.612.734.896
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-			-
3. Khấu hao	10.437.840.722	4.668.159.167	15.105.999.889	9.547.306.041	4.096.103.625	13.643.409.666
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.610.255.887	12.253.035.502	59.863.291.389	41.002.294.499	12.741.590.447	53.743.884.946
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	22.949.489.702	4.950.050.284	27.899.539.986	4.550.130.706	4.744.653.586	9.294.784.292
6. Tài sản bộ phận	270.965.375.397	58.499.645.809	329.465.021.206	235.731.017.523	70.172.019.550	305.903.037.073
7. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản			329.465.021.206	235.731.017.523	70.172.019.550	305.903.037.073
8. Nợ phải trả bộ phận	222.242.145.389	3.908.792.599	226.150.937.988	213.626.983.394	4.376.179.039	218.003.162.433
9. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả			226.150.937.988	213.626.983.394	4.376.179.039	218.003.162.433